

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 39**

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2026 của Công ty cổ phần Vinaconex 39, đồng thời hướng dẫn cho cổ đông tham gia Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và đúng pháp luật. Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026 của Công ty cổ phần Vinaconex 39 xin báo cáo ĐHĐCĐ thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

**I. Đối tượng áp dụng:**

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Vinaconex 39.

**II. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham gia Đại hội.**

**Quyền:**

1. Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự bằng văn bản ủy quyền theo mẫu của Công ty.
2. Tham dự cuộc họp cổ đông được nhận các phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần tương ứng với số phiếu bầu của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp;
3. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
4. Được Ban tổ chức đại hội thông báo nội dung, chương trình đại hội;
5. Được phát các tài liệu nội dung chương trình Đại hội kèm theo;
6. Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

**Nghĩa vụ:**

1. Tuân thủ đúng quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ công ty;
2. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội;
3. Phát biểu dưới sự điều hành của Chủ tọa và biểu quyết theo hướng dẫn của Ban tổ chức.
4. Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp nhận của Chủ tọa.
5. Tự túc về chi phí tham dự đại hội (phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi,...)

**III. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội.**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa tiến hành điều khiển đại hội;

2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
3. Chủ tọa có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển đại hội một cách hợp lệ và trật tự hoặc để Đại hội có thể phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
4. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội;
5. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn cuộc họp đến một thời điểm khác phù hợp theo Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty nếu nhận thấy: Hành vi của người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.
6. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

#### **IV. Trật tự của Đại hội:**

1. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định; Tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức;
2. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;
3. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không chuông.
4. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông vì bất kỳ lý do gì phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

#### **V. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:**

##### **1. Nguyên tắc và thể lệ biểu quyết:**

###### **1.1. Nguyên tắc**

- Tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận công khai và thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.
- Các nghị quyết, quyết định của Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất từ 65% trở lên trên tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận đối với các trường hợp sau:
  - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;



d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;

đ. Tổ chức lại, giải thể công ty;

e. Thay đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

- Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền có số biểu quyết được tính dựa trên tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu. Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông (ngày 25/03/2026) tổng số cổ phần của Công ty là 30.000.000 cổ phần (Ba mươi triệu cổ phần).
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.
- Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

## **2. Cách thức biểu quyết:**

- Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông được cấp 01 thẻ biểu quyết (*màu hồng*), 01 Phiếu biểu quyết (*màu xanh*). Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và phát cho các cổ đông/đại diện cổ đông tại bàn lễ tân của Ban Tổ chức Đại hội. Trên thẻ biểu quyết, phiếu bầu, phiếu biểu quyết có ghi rõ họ tên, số cổ phần sở hữu/đại diện, mã số cổ đông.
- Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) các vấn đề sau bằng cách giơ thẻ biểu quyết (*màu hồng*) trực tiếp tại Đại hội:
  - + Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.
  - + Bầu Đoàn chủ tịch Đại hội.
  - + Bầu Ban thư ký Đại hội.
  - + Thông qua chương trình và quy chế làm việc tại Đại hội.
  - + Thành phần Ban kiểm phiếu tại Đại hội.
  - + Biên bản và Nghị quyết đại hội.
- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông biểu quyết đồng ý thông qua một vấn đề được Đại hội đồng cổ đông đưa ra thì giơ thẻ biểu quyết lên cao. Tương tự theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông biểu quyết không đồng ý, không có ý kiến hoặc có ý kiến khác sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.
- Cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết trực tiếp vào từng nội dung biểu quyết ghi tại phiếu biểu quyết (*màu xanh*). Sau khi hoàn thành việc biểu quyết tất cả các nội dung, cổ đông/đại diện cổ đông tiến hành nộp Phiếu biểu quyết có các nội dung mà cổ đông đã biểu quyết cho thành viên Ban Kiểm phiếu.



## **VI. Thảo luận tại Đại hội:**

### **1. Nguyên tắc:**

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
- Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung phát biểu vào Phiếu đăng ký phát biểu và chuyển cho thư ký Đại hội hoặc giao cao thẻ biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông khi đến dự Đại hội. Các cổ đông đăng ký phát biểu theo mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên trả lời trước, sau đó lần lượt các cổ đông giao Thẻ biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch.

### **2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:**

- Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua.
- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông;
- Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

## **VII. Trách nhiệm của chủ tọa và Đoàn chủ tịch:**

1. Đoàn chủ tịch gồm 02 người do Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm chủ tọa. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số;
2. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua.
3. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình Đại hội;
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
5. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

## **VIII. Trách nhiệm của Ban Thư ký:**

Ban thư ký Đại hội (gồm 02 người) do Ban tổ chức giới thiệu và được Đại hội thông qua. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch và ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình, cụ thể:

1. Ghi chép đầy đủ trung thực các nội dung của Đại hội.
2. Giúp Đoàn chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết)
3. Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu
4. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông



5. Tiếp nhận điện mừng, thư, các tài liệu có liên quan đến Đại hội.
6. Soạn thảo Biên bản họp và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

**IX. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu:**

1. Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
2. Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Ban thư ký để đưa vào Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
3. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông.
4. Xem xét và kịp thời báo cáo Chủ tọa Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

**X. Trách nhiệm của Ban Thẩm tra tư cách cổ đông**

Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội (gồm 03 người) do HĐQT giới thiệu. Ban thẩm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm thẩm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp. Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp được thực hiện theo Điều lệ Công ty.

**XI. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:**

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là nội dung Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Vinaconex 39. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Nhà nước, Điều lệ Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Phan Đình Phong**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 39**

---

## **BÁO CÁO**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025  
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 39**

*Hà Nội, tháng 4 năm 2026*





Hà nội, ngày 2 tháng 4 năm 2026

## BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Vinaconex 39**

Tổng Giám đốc Công ty Vinaconex 39 xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2026 về kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và triển khai kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty với các nội dung như sau:

### **I. Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2025:**

Trong năm 2025, Công ty đã nỗ lực trong sản xuất kinh doanh, với sự đồng hành của các cổ đông lớn, sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Công ty đã đạt được phần lớn kế hoạch đã đặt ra theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2025, cụ thể các chỉ tiêu thực hiện được như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	% Thực hiện So với	
						KH Năm 2025	Năm 2024
A	<b>Giá trị sản lượng</b>	<b>Tỷ. Đ</b>	<b>16,42</b>	<b>16,94</b>	<b>9,87</b>	<b>103,17</b>	<b>171,63</b>
1	SL Xây lắp	Tỷ. Đ	6,48	7,00			
2	SL ngoài xây lắp	Tỷ. Đ	9,94	9,94			
B	<b>Doanh thu</b>	<b>Tỷ. Đ</b>	<b>23,23</b>	<b>441,39</b>	<b>14,15</b>	<b>1900,45</b>	<b>3120,07</b>
1	DT Xây lắp	Tỷ. Đ	14,02	7,04	4,79		
2	DT ngoài xây lắp	Tỷ. Đ	9,20	11,34	9,36		
3	Thu nhập khác	Tỷ. Đ		423,01			
C	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ. Đ</b>		<b>105,68</b>	<b>-32,61</b>		

### **1. Một số nhiệm vụ đã đạt được trong năm 2025:**

Trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, trong năm 2025 Ban Tổng giám đốc công ty đã rất nỗ lực và linh hoạt trong công tác điều hành SXKD, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực tại cơ cấu các dự án đầu tư và thu hồi vốn các công trình đã thi công xong chưa quyết toán. Qua đó Công ty đã đạt được một số thành tựu nhất là trong công tác tài chính, cụ thể như sau:

- Sau nhiều năm, kết quả SXKD của công ty đã có lãi. Từ ngày 01/01/2026 công ty không còn các khoản vay ngân hàng quá hạn và phát sinh lãi.

- Hoàn thành công tác chuyển nhượng dự án NAK theo nghị quyết Đại hội đồng cổ động năm 2025 mang lại khoản thu nhập khác với giá trị 216,973 tỷ đồng;
- Hoàn thành công tác bàn giao tài sản là phần vốn góp của công ty tại dự án Phan Trọng Tuệ cho ngân hàng PVCombank để cầm trả nợ gốc, lãi. Hoàn thành công tác tái cấu trúc nợ tại ngân hàng PVCombank, hiện tại Công ty không còn khoản nợ phát sinh lãi tại Ngân hàng PVCombank. Dự kiến trong quý II/2026 Công ty sẽ hoàn thiện thủ tục tất toán khoản nợ tại ngân hàng PVCombank theo phương thức ngân hàng PVCombank sẽ miễn toàn bộ số nợ còn lại cho Công ty.
- Đàm phán với chủ nợ là ông Nguyễn Bảo Trung (chủ nợ mua lại khoản nợ của công ty tại Ngân hàng VIB) theo hướng không tính chi phí lãi phát sinh hàng tháng đối với khoản nợ ông Trung mua lại từ Ngân hàng VIB. Trong năm 2026 Công ty sẽ tiếp tục làm việc để cơ cấu lại khoản nợ.
- Hoàn thành trả nợ Ngân hàng MBV đối với khoản nợ xấu nhóm 5. Thanh lý toàn bộ các hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp đồng uỷ thác với ngân hàng MBV.
- Gói thầu Hệ thống khu cảng thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã ký phụ lục giá trị quyết toán hợp đồng. Hiện tại Công ty đang lập hồ sơ giải trình tiến độ để làm cơ sở quyết toán hợp đồng.
- Tiếp tục nâng cấp dịch vụ tại văn phòng CT2A với mục tiêu cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng cao cấp, nâng cấp giá trị phần văn phòng cho thuê của công ty làm tiền đề phát triển mảng kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng.
- Hoàn thành hồ sơ quyết toán hợp đồng thi công phần thân toà nhà HH2 với chủ đầu tư Nam Cường, dự kiến trong quý II/2026 sẽ thu hồi được công nợ để bổ sung vào nguồn vốn của công ty.
- Trong năm 2025 Công ty đã ký được hợp đồng thi công sửa chữa, cải tạo Bệnh viện Việt Đức với giá trị hợp đồng là 10,3 tỷ. Hợp đồng tư vấn đầu tư với giá trị 3 tỷ đồng. Dự kiến trong tháng 4/2026 công ty sẽ tiếp tục ký hợp đồng thi công với giá trị khoảng 30 tỷ và thực hiện xong trong năm 2026.
- Đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên công ty và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với cơ quan quản lý nhà nước.

## **2. Một số tồn tại trong năm 2025:**

- Tiến độ thực hiện Dự án tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức – Hà Nội còn chậm so với kế hoạch đề ra.
- Chưa thanh lý được các thiết bị đã hỏng hóc của công ty.
- Thu hồi vốn còn tồn tại một số Hợp đồng đã ký với Tập đoàn Nam Cường; Trường mầm non PVV,...

## **II. Kế hoạch SXKD hợp nhất dự kiến thực hiện năm 2026.**

Trong năm 2026, Ban điều hành công ty đặt ra mục tiêu là: Tiếp tục duy trì sự ổn định trong các công việc gồm: Triển khai thi công và hoàn thành công trình sửa chữa cải tạo nhà C Bệnh viện Việt Đức; Nâng cấp việc cho thuê văn phòng; Thanh, quyết toán các công trình cũ; Đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong công ty; Hoàn thành các nghĩa vụ



về thuế, BHXH với cơ quan quản lý nhà nước; Tập trung mọi nguồn lực để tìm kiếm các dự án đầu tư mới cho công ty; Đồng thời củng cố và phát triển mảng thi công xây lắp nhằm nâng cao năng lực quản lý điều hành các dự án của Công ty.

Các chỉ tiêu và giải pháp thực hiện kết quả SXKD của công ty như sau:

**1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026 như sau:**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch Thực hiện năm 2026	% Thực hiện So với năm 2025	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Giá trị sản lượng</b>	<b>14,94</b>	<b>54,56</b>	<b>365,20%</b>	
1	Sản lượng Xây lắp		44,62		
2	Sản lượng ngoài Xây lắp		9,94		
<b>B</b>	<b>Doanh thu:</b>	<b>441,39</b>	<b>162,83</b>	<b>36,89%</b>	
1	Doanh thu Xây lắp	7,04	42,32	600,89%	
	<i>DT từ các HĐ đang thực hiện.</i>		11,32		
	<i>DT từ các HĐ dự kiến ký mới</i>		30,00		
2	Doanh thu ngoài xây lắp	11,34	9,20	81,13%	
3	Thu nhập khác	423,01	70,00	16,55%	
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>105,68</b>	<b>60,00</b>		

**2. Các giải pháp thực hiện trong điều hành SXKD:**

Ban điều hành công ty xin đề xuất các giải pháp điều hành SXKD chủ yếu của công ty trong năm 2026 như sau:

- Xây dựng lại các quy chế, quy trình phục vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo các quy định hiện hành và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của đất nước trong thời kỳ mới.
- Nâng cao dịch vụ tại khu văn phòng cho thuê để có nguồn thu đảm bảo chi phí lương cho cán bộ, công nhân viên công ty.
- Thanh lý các thiết bị đã hỏng hóc, không sử dụng được để thu hồi nguồn tiền lưu động cho công ty và trả nợ ngân hàng.
- Tập trung điều hành các công trường thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và tiết kiệm chi phí để mang lại lợi nhuận cho công ty.
- Đẩy mạnh và tích cực thu hồi công nợ tại các công trình đã thi công hoàn thành. Tập trung hoàn thiện hồ sơ quyết toán các Hợp đồng ký với Tập đoàn Nam Cường.
- Tích cực tìm kiếm các công việc trong lĩnh vực Xây lắp; Tư vấn quản lý dự án. Liên danh, liên kết với các đối tác có năng lực để tham gia đấu thầu và triển khai các công trình, dự án.

**3. Các giải pháp về công tác đầu tư và tái cấu trúc doanh nghiệp:**

Để tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty trong công tác tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án bất động sản và tái cấu trúc doanh nghiệp theo hướng thoái vốn tại các công ty con hoạt động không hiệu quả, kính trình đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Chấp thuận chuyển nhượng phần vốn góp của công ty tại công ty CP Xây dựng dân dụng và công nghiệp PVV (PVV-IC).
- Góp vốn đầu tư hoặc mua lại cổ phần của doanh nghiệp dự án có dự án đầu tư về bất động sản để qua đó gián tiếp sở hữu và triển khai dự án đầu tư bất động sản.
- Giao HĐQT Công ty phê duyệt phương án thoái vốn và Đầu tư theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2025 và kế hoạch thực hiện năm 2026 của Công ty cổ phần Vinaconex 39. Xin gửi đến toàn thể đại hội, rất mong nhận được các ý kiến đóng góp, thông qua của quý vị cổ đông.

Xin kính chúc quý vị cổ đông và gia đình mạnh khỏe, chúc đại hội thành công tốt đẹp.  
Xin trân trọng cảm ơn!

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Tiến Dũng**

C.P.  
H.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 39**

---

## **BÁO CÁO**

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025  
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 39  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

*Hà Nội, tháng 4 năm 2026*



*Hà nội, ngày 2/ tháng 4 năm 2026*

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

**Kính thưa: Quý cổ đông Công ty cổ phần Vinaconex 39**

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vinaconex 39.
- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vinaconex 39 kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông công ty về hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

### **1. Cơ cấu tổ chức:**

Từ Đại hội đồng cổ đông tháng 4 năm 2025 đến nay, số lượng thành viên HDQT là 06 người bao gồm: 01 thành viên là Chủ tịch HDQT chuyên trách; 05 thành viên không điều hành tại Công ty.

### **2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025**

Thực hiện và triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty năm 2025, HDQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc, đồng thời hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho việc điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua các công việc cụ thể:

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban Tổng giám đốc.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Tổng giám đốc gửi HDQT,
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban Tổng giám đốc trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành.

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành 16 văn bản bao gồm các Nghị quyết và Quyết định làm cơ sở cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2025. Đại hội đã đưa ra các quyết sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của Công ty.



- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2025;
- Phê duyệt bàn giao tài sản là toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Công ty tại dự án Tòa nhà hỗn hợp dịch vụ, thương mại, văn phòng và nhà ở chung cư - Đồng Phát Phan Trọng Tuệ theo nội dung đồng hợp tác kinh doanh số 14/2012/HDHTKD ngày 10/02/2012 và các phụ lục kèm theo.
- Phê duyệt phương án thế chấp và bàn giao tài sản là 20% phần vốn góp của Công ty tại dự án “Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp – Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội.
- Phê duyệt việc mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) để thực hiện công trình “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Dự án tài trợ cải tạo, sửa chữa tầng 2 khối nhà c1, c2, c3, c4 (khu phòng khám) cho Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.
- Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.

#### **Kết quả các công việc đã thực hiện theo Nghị Quyết, Quyết định của HĐQT:**

- Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên, và Đại hội cổ đông theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đã được tiến hành theo đúng chương trình kế hoạch đặt ra.
- Công tác bàn giao tài sản là toàn bộ nghĩa vụ tại dự án Nam An Khánh, dự án Phan Trọng Tuệ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất của Công ty theo từng giai đoạn.

#### **3. Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2026:**

Trong năm 2025, Công ty đã cơ bản hoàn thành việc tái cơ cấu nguồn vốn, chuẩn bị cho Kế hoạch dài hạn của các năm tiếp theo. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo và giám sát điều hành, quyết tâm tháo gỡ cùng Ban điều hành Công ty thực hiện đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Cụ thể:

- Tiếp tục cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty gọn nhẹ giảm bộ máy sản xuất gián tiếp.
- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị Công ty với việc ban hành các quy chế phù hợp với điều kiện của công ty và các điều chỉnh luật Doanh nghiệp, luật Thuế hiện hành.
- Tập trung công tác thu hồi vốn các công trình đã thi công xong để đảm bảo dòng tiền trong Công ty.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp sát sao tham gia cùng Ban điều hành trong việc mở rộng thị trường và khai thác các nguồn việc phù hợp với năng lực của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác tái cấu trúc tài sản: Kiên quyết thanh lý các thiết bị lạc hậu, đồng thời tập trung nguồn vốn đầu tư hệ thống máy móc, công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng lực thi công và hạ giá thành sản phẩm.

- Chủ động tìm kiếm và kết nối với các đối tác chiến lược để triển khai các mô hình liên doanh, liên kết, nhằm tối ưu hóa nguồn lực và gia tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

- Thành lập Công ty cổ phần thành viên hoặc liên kết để chuyên môn hóa từng lĩnh vực. Việc này giúp Công ty mẹ tinh gọn bộ máy, đồng thời các đơn vị mới có thể chủ động hơn trong việc thực hiện các phần việc bổ trợ. Đồng thời tiếp tục thoái vốn, chuyển nhượng vốn tại những công ty hoạt động không hiệu quả.

Với vai trò, trách nhiệm là người đại diện của Cổ đông, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, trong năm 2026, HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông đề ra, đồng thời HĐQT sẽ đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty thông qua bộ phận kiểm soát nội bộ, tăng cường công tác quản trị rủi ro nhằm đảm bảo Công ty ổn định năm 2026, làm nền tảng cho sự phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

### ***Kính thưa toàn thể Đại hội***

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông nghiên cứu, xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
***Phan Đình Phong***



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 39**

---

## **BÁO CÁO**

**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025  
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 39**

**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

*Hà Nội, tháng 4 năm 2026*



*Hà nội, ngày 2 tháng 4 năm 2026*

## **HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

**Kính thưa: Quý cổ đông Công ty cổ phần Vinaconex 39**

**Kính thưa: Quý cổ đông Công ty cổ phần Vinaconex 39**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vinaconex 39 được Đại hội đồng cổ đông thông qua .
- Căn cứ vào Quy chế làm việc của Ban kiểm soát Công ty.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Vinaconex 39

Ban kiểm soát xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về các mặt hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025 như sau:

### **I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025**

#### **1. Về cơ cấu Ban kiểm soát Công ty có 3 thành viên gồm:**

- |                        |                            |
|------------------------|----------------------------|
| - Bà Lê Thị Như Lan    | - Trưởng Ban kiểm soát     |
| - Bà Trần Thị Thu Thủy | - Thành viên Ban kiểm soát |
| - Ông Vũ Tuấn Dũng     | - Thành viên Ban kiểm soát |

#### **2. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát**

- Với tinh thần trách nhiệm xây dựng và hợp tác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do các cổ đông giao cho, Ban kiểm soát luôn phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty bằng việc tham gia trực tiếp một số cuộc họp và xem xét các hồ sơ, tài liệu, số liệu do Ban điều hành cung cấp định kỳ.
- Ban kiểm soát đã tiến hành triển khai và thực hiện nghiêm túc việc giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính kế toán, đảm bảo tính hợp pháp, đúng Điều lệ.
- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện những nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị khi được triệu tập.
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.



- Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty.
- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Ban kiểm soát chưa nhận được ý kiến khiếu nại của cổ đông về các sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty, Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/3/2026)**

	Họ tên	Số cổ phần	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Bích Hằng	4.216.000	14,05
2	Nguyễn Việt Hưng	2.967.200	9,89
3	Dương Ngọc Hùng	2.016.800	6,72
4	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (Modern Bank of Vietnam - MBV)	5.000.000	16,67

**3. Báo cáo về kết quả giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty**

**3.1 Đánh giá báo cáo tài chính**

- Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, 06 tháng, và năm của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá: các Báo cáo tài chính của Công ty đã đảm bảo tính hệ thống, nhất quán, và tuân thủ cao đối với các quy định hiện hành về chuẩn mực Báo cáo tài chính.
- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt. Báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý kết quả sản xuất kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ trong năm 2025 và tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025.
- Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được ban hành, cụ thể:

Doanh thu: 441,40 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 105,68 tỷ đồng

**3.2 Những vấn đề kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến**

- Tại ngày 31/12/2025, Công ty có một số khoản công nợ phải thu khách hàng, trả trước cho người bán kéo dài trên 3 năm; Công ty kiểm toán không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá về tiến độ quyết toán các công trình dở dang có liên quan và khả năng cũng như giá trị thu hồi của các khoản công nợ này.
- Tại ngày 31/12/2025, Công ty đang theo dõi khoản đầu tư ủy thác với Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Bắc Trung Bộ số tiền khoảng 91,63 tỷ đồng và khoản lãi phải thu tương ứng khoảng 20,14 tỷ đồng, các khoản gốc và lãi này đã quá hạn thanh toán từ nhiều năm trước. Kiểm toán không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu cũng như đánh giá khả năng thu hồi của khoản tiền gốc và lãi phải thu.

- Trong sổ dư “Hàng tồn kho” tại ngày 31/12/2025 của Công ty bao gồm giá trị thi công dở dang của một số công trình đang tạm dừng thi công/chờ quyết toán đã kéo dài qua nhiều năm. Hiện tại, Công ty đang làm việc với các chủ đầu tư/Tổng thầu để xác định giá trị nghiệm thu quyết toán của những công trình này. Kiểm toán không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cũng như không đánh giá được khả năng và tiến độ quyết toán các công trình này nên không thể xác định được liệu có cần thiết phải có điều chỉnh các số liệu có liên quan hay không.
- Tại ngày 31/12/2025, lỗ lũy kế của công ty là 351,44 tỷ đồng vượt quá vốn điều lệ và dẫn đến âm vốn chủ sở hữu 30,76 tỷ đồng (lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2024 là 453,7 tỷ đồng và âm vốn chủ sở hữu khoảng 130,2 tỷ đồng), nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 60,62 tỷ đồng trong khi số dư vay quá hạn với số tiền 92,38 tỷ đồng và lãi vay còn nợ là 295,17 tỷ đồng. Các vấn đề nêu trên đã gây nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng tiếp theo. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản đầu tư đã quá hạn và quyết toán các công trình dở dang để thu hồi công nợ, khả năng tiếp tục gia hạn thành công các khoản nợ và vay đến hạn thanh toán.

#### 4. **Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc**

Ban kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, số liệu, nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành

- Năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức được các cuộc họp định kỳ. Một số công việc phát sinh khác, HĐQT tổ chức lấy ý kiến các Ủy viên bằng văn bản. Các Nghị quyết, Quyết định này của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đầy đủ căn cứ Pháp lý theo quy định của Pháp luật, phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 13 Nghị Quyết và 3 Quyết định. Các Nghị quyết và Quyết định đều được thống nhất ý kiến của thành viên HĐQT và phản ánh được định hướng, chiến lược, giải pháp kinh doanh của công ty.
- Ban Tổng giám đốc đã bám sát chiến lược kinh doanh, các quyết sách của Hội đồng quản trị, nỗ lực triển khai các hoạt động cụ thể trong hoạt động kinh doanh và quản lý, điều hành.
- Ban kiểm soát không phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, Quy chế, Quy định của Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc.
- Ban kiểm soát nhất trí với nội dung báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Ban Tổng giám đốc.

## II. **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026**

Trên cơ sở định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Vinaconex 39, Ban kiểm soát xác định nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026 như sau:

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Tiếp tục phát huy vai trò kiểm tra giám sát trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của



Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty. Tham gia ý kiến với HĐQT và đề xuất các khuyến nghị với Ban Điều hành để góp phần nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, phản ánh đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Duy trì phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận phòng ban trong Công ty.

Trên đây là nội dung kết quả trong quá trình kiểm tra giám sát hoạt động Công ty năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát xin báo cáo cáo trước Đại hội.

Ban kiểm soát xin gửi lời chúc sức khỏe và thành công đến các Quý vị cổ đông.

Trân trọng!

*Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2026*

**T/M BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY**

**TRƯỞNG BAN**



**Lê Thị Như Lan**



Số: 01 /TTr/VN39/HĐQT

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2026

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vinaconex 39 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tháng 05/2024;

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và Hội đồng quản trị về việc thông qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaconex 39 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

1/ Báo cáo tài chính đã kiểm toán Công ty mẹ năm 2025 (chi tiết kèm theo)

2/ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán Công ty năm 2025 (chi tiết kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Phan Đình Phong



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

**MẪU SỐ B01 - DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>509.400.714.916</b>	<b>501.493.415.878</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>5.477.173.633</b>	<b>536.885.523</b>
1. Tiền	111		4.477.173.633	536.885.523
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>98.375.778.423</b>	<b>97.811.005.639</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	10	7.881.923.720	7.187.399.890
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	10	(1.133.421.554)	(1.003.670.508)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10	91.627.276.257	91.627.276.257
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>292.051.000.187</b>	<b>285.260.084.233</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	152.182.777.132	138.938.504.165
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	93.313.202.460	93.393.548.116
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	51.738.860.054	58.111.871.411
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.183.839.459)	(5.183.839.459)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>112.828.778.065</b>	<b>117.885.440.483</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	112.828.778.065	117.885.440.483
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>667.984.608</b>	<b>-</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		667.984.608	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>61.091.432.893</b>	<b>271.916.029.059</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>193.714.729.102</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	193.714.729.102
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.303.909.689</b>	<b>2.001.923.766</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.303.909.689	2.001.923.766
- Nguyên giá	222		54.357.014.956	53.728.624.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.053.105.267)	(51.726.701.190)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		141.555.000	141.555.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(141.555.000)	(141.555.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>28.201.404.592</b>	<b>30.123.371.440</b>
- Nguyên giá	231		46.802.796.144	47.888.057.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(18.601.391.552)	(17.764.686.204)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>1.428.184.355</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	1.428.184.355
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>30.000.000</b>	<b>9.755.247.561</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	38.660.000.000	38.660.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10	30.000.000	30.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10	(38.660.000.000)	(28.934.752.439)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.556.118.612</b>	<b>34.892.572.835</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	30.556.118.612	34.890.754.653
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	1.818.182
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>570.492.147.809</b>	<b>773.409.444.937</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

**MẪU SỐ B01 - DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>592.731.346.986</b>	<b>899.768.916.996</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>557.317.047.320</b>	<b>859.264.263.498</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	106.623.182.279	106.542.892.968
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	80.128.308.768	76.345.391.021
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.300.033.913	164.860.085
4. Phải trả người lao động	314		875.098.600	849.182.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	273.669.657.264	360.312.394.182
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		133.248.054	124.217.140
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	10.009.121.323	91.588.011.171
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	81.546.344.058	223.305.261.270
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.053.061	32.053.061
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>35.414.299.666</b>	<b>40.504.653.498</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	34.746.079.666	39.850.899.249
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	668.220.000	653.754.249
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(22.239.199.177)</b>	<b>(126.359.472.059)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>(22.239.199.177)</b>	<b>(126.359.472.059)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.069.800.000	15.069.800.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.238.124.869	3.238.124.869
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.123.204.630	1.123.204.630
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(341.670.328.676)	(445.790.601.558)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(445.790.601.558)	(413.704.929.908)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		104.120.272.882	(32.085.671.650)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>570.492.147.809</b>	<b>773.409.444.937</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Phạm Thanh Thủy

Lê Thị Thu Hương



Nguyễn Tiên Dũng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**MẪU SỐ B02 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	18.382.993.538	14.148.701.007
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		18.382.993.538	14.148.701.007
4. Giá vốn hàng bán	11	24	15.850.543.169	13.127.025.339
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.532.450.369	1.021.675.668
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		94.653.348	625.503.789
7. Chi phí tài chính	22	25	236.145.908.652	27.471.851.667
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		225.903.345.991	25.050.366.000
8. Chi phí bán hàng	25		9.666.581	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	5.593.028.414	5.473.211.323
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(239.121.499.930)	(31.297.883.533)
11. Thu nhập khác	31	27	423.014.129.415	-
12. Chi phí khác	32	28	75.478.512.388	787.788.117
13. Lợi nhuận khác	40		347.535.617.027	(787.788.117)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		108.414.117.097	(32.085.671.650)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	4.292.026.033	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.818.182	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		104.120.272.882	(32.085.671.650)

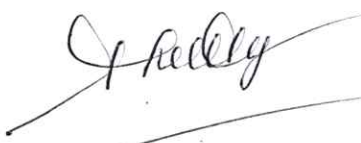
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập



Phạm Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hương

Tổng giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**MẪU SỐ B03 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	108.414.117.097	(32.085.671.650)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.248.370.925	2.241.970.656
- Các khoản dự phòng	03	9.854.998.607	1.357.313.103
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	378.146.285	1.063.897.556
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(94.649.204)	(623.984.839)
- Chi phí lãi vay	06	225.903.345.991	25.050.366.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	346.704.329.701	(2.996.109.174)
- Tăng, giảm các khoản phải thu (*)	09	186.322.454.603	3.191.814.874
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.056.662.418	5.199.646.670
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(395.043.986.752)	(9.814.607.265)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.334.636.041	4.588.396.269
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(694.523.830)	(1.171.170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	146.679.572.181	167.970.204
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21	(8.390.000)	-
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.564.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.023.141	29.984.839
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.633.141	3.593.984.839
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	435.678.371	663.121.305
2. Tiền trả nợ gốc vay (*)	34	(142.194.595.583)	(4.025.965.171)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(141.758.917.212)	(3.362.843.866)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.940.288.110	399.111.177
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	536.885.523	137.774.346
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.477.173.633	536.885.523

(\*) Trong đó, số tiền trả nợ gốc vay được bù trừ với các khoản phải thu là 141.430.783.451 đồng.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

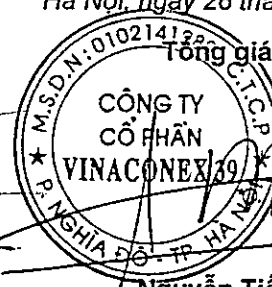
Tổng giám đốc



Phạm Thanh Thủy



Lê Thị Thu Hương



Nguyễn Tiến Dũng



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

**MÃ SỐ B01-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>576.574.487.467</b>	<b>580.336.839.028</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.492.118.952	552.695.210
1. Tiền	111		4.492.118.952	552.695.210
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10	98.375.778.423	97.811.005.639
1. Chứng khoán kinh doanh	121		7.881.923.720	7.187.399.890
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.133.421.554)	(1.003.670.508)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		91.627.276.257	91.627.276.257
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		330.738.522.331	323.991.067.644
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	156.596.180.335	143.395.368.635
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	130.414.714.617	130.495.060.273
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	52.608.465.741	58.981.477.098
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(8.880.838.362)	(8.880.838.362)
IV. Hàng tồn kho	140		141.295.897.033	157.977.884.415
1. Hàng tồn kho	141	11	141.295.897.033	157.977.884.415
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		672.170.728	4.186.120
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		672.170.728	4.186.120
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>73.004.630.430</b>	<b>273.996.918.064</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	193.714.729.102
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	193.714.729.102
II. Tài sản cố định	220		2.303.909.689	2.001.923.766
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.303.909.689	2.001.923.766
- Nguyên giá	222		56.813.928.820	56.185.538.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.510.019.131)	(54.183.615.054)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		141.555.000	141.555.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(141.555.000)	(141.555.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	28.201.404.592	30.123.371.440
- Nguyên giá	231		46.802.796.144	47.888.057.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(18.601.391.552)	(17.764.686.204)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.028.218.927	13.456.403.282
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	1.428.184.355
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	12.028.218.927	12.028.218.927
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000	30.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10	30.000.000	30.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		30.441.097.222	34.670.490.474
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	30.285.054.613	34.485.864.440
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		156.042.609	184.626.034
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>649.579.117.897</b>	<b>854.333.757.092</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

**MẪU SỐ B01 - DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>680.342.067.942</b>	<b>984.511.079.404</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>637.195.768.276</b>	<b>938.219.475.418</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	136.560.672.749	136.683.760.357
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	82.460.265.768	78.677.348.021
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	6.179.650.273	2.044.476.445
4. Phải trả người lao động	314		2.207.375.915	2.181.459.915
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	295.266.681.797	380.252.448.037
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		133.248.054	124.217.140
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	21.107.411.487	103.216.386.058
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	92.592.815.246	234.351.732.458
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		687.646.987	687.646.987
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>43.146.299.666</b>	<b>46.291.603.986</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	34.746.079.666	39.850.899.249
2. Phải trả dài hạn khác	337	20	668.220.000	653.754.249
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		7.732.000.000	5.786.950.488
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(30.762.950.045)</b>	<b>(130.177.322.312)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>(30.762.950.045)</b>	<b>(130.177.322.312)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.069.800.000	15.069.800.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.527.319.614	4.527.319.614
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.123.204.630	1.123.204.630
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(351.445.267.050)	(453.750.318.757)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(453.750.318.757)	(421.514.820.840)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		102.305.051.707	(32.235.497.917)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(38.007.239)	2.852.672.201
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>649.579.117.897</b>	<b>854.333.757.092</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập



Phạm Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hương



Tổng giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**MẪU SỐ B02 - DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	18.382.993.538	14.148.701.007
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		18.382.993.538	14.148.701.007
4. Giá vốn hàng bán	11	25	17.556.861.156	12.993.199.125
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		826.132.382	1.155.501.882
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		94.657.980	625.508.102
7. Chi phí tài chính	22	26	228.077.631.769	27.844.386.150
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		227.560.316.669	26.707.336.678
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		9.666.581	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	5.593.897.414	5.477.440.243
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(232.760.405.402)	(31.540.816.409)
12. Thu nhập khác	31	28	423.014.129.415	-
13. Chi phí khác	32	29	84.573.692.776	787.788.117
14. Lợi nhuận khác	40		338.440.436.639	(787.788.117)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		105.680.031.237	(32.328.604.526)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	4.292.026.033	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.973.632.937	283.652.482
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		99.414.372.267	(32.612.257.008)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		102.305.051.707	(32.235.497.917)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.890.679.440)	(376.759.091)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	3.410	(1.075)

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập

Phạm Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hương

Tổng giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**MẪU SỐ B03 - DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	105.680.031.237	(32.328.604.526)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.248.370.925	2.241.970.656
- Các khoản dự phòng	03	129.751.046	72.876.908
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	378.146.285	1.063.897.556
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(94.653.836)	(623.989.152)
- Chi phí lãi vay	06	227.560.316.669	26.707.336.678
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	335.901.962.326	(2.866.511.880)
- Tăng, giảm các khoản phải thu (*)	09	186.394.503.369	3.284.648.451
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	16.681.987.382	5.199.646.670
- Tăng, giảm khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(395.806.031.819)	(9.906.372.507)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.200.809.827	4.454.311.720
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(694.523.830)	(1.171.170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	146.678.707.255	164.551.284
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.390.000)	
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.564.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.023.699	29.989.152
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.633.699	3.593.989.152
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	435.678.371	663.121.305
2. Tiền trả nợ gốc vay (*)	34	(142.194.595.583)	(4.025.965.171)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(141.758.917.212)	(3.362.843.866)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.939.423.742	395.696.570
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	552.695.210	156.998.640
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.492.118.952	552.695.210

(\*) Trong đó, số tiền trả nợ gốc vay được bù trừ với các khoản phải thu là 141.430.783.451 đồng.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập

Phạm Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hương

Tổng giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng



Số 02 TT/VN39/HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

V/v: Phương án trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vinaconex 39 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tháng 10/2022;
- Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;
- Căn cứ mức đóng góp và thời gian công tác;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaconex 39 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và phương án thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 của công ty như sau:

**1. Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 (thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025):**

- Tổng thù lao của Hội đồng quản trị chuyên trách: 365.624.236 VNĐ/năm.
- Tổng thù lao của Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 0 VNĐ/năm.
- Tổng thù lao của Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 0 VNĐ/năm.

**2. Phương án thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026:**

- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách theo quy chế lương của Công ty.
- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 0 VNĐ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua./.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT, HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VINACONEX 39  
P. NGHĨA ĐO - T. HÀ NỘI

Phan Đình Phong

**TỜ TRÌNH**

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2025

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vinaconex 39 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tháng 05/2024;
- Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaconex 39 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 của như sau:

**I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	VND	108.414.117.097
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	VND	104.120.272.882
3	Lợi nhuận sau thuế năm trước giữ lại	VND	(445.790.601.558)
4	<b>Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2025</b>	<b>VND</b>	<b>(341.670.328.676)</b>
	<b>Dự kiến phân chia</b>		
5	Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	VND	0
6	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	VND	0
7	Chi trả thù lao cho HĐQT và BKS không chuyên trách	VND	0
	<b>Tổng</b>	<b>VND</b>	<b>0</b>

**II. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Doanh thu năm 2026	Tỷ đồng	162,83
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2026	Tỷ đồng	60
3	Tỷ lệ chia cổ tức	%	0

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung nêu trên.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT, HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Đình Phong



Số 04 TTE/VN39/BKS

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vinaconex 39 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tháng 05/2024;

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

Tiêu chuẩn của Công ty kiểm toán:

- Được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
- Có kinh nghiệm trong việc kiểm toán các Doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam;
- Là công ty kiểm toán có trong danh mục các Công ty kiểm toán được UBCK chấp thuận cho phép kiểm toán Báo cáo tài chính các Công ty niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán.

Phương thức lựa chọn:

Ban kiểm soát Công ty kính trình ĐHĐCĐ uỷ quyền cho Hội đồng quản trị xem xét lựa chọn một trong số 5 Công ty kiểm toán được liệt kê dưới đây và thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:

1. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (An Việt CPA)
2. Công ty TNHH Kiểm toán Vaco (Vaco)
3. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
4. Công ty TNHH Kiểm toán & định giá Việt Nam (VAE)
5. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**Lê Thị Như Lan**



Số: 05 /TTr/VN39/HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026.

**TỜ TRÌNH**

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty 2026**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vinaconex 39 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tháng 5 năm 2024;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaconex 39 xin báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2026 về việc sửa đổi 02 điều khoản trong Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty:

Số TT	Điều lệ Công ty năm 2024	Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2026	Ghi chú
1	<b>Phần mở đầu:</b> Cập nhập ngày cấp đăng ký doanh nghiệp của Sở KH-ĐT TP Hà Nội: Giấy CNĐK DN số 0102141289, Đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 09/05/2024	<b>Phần mở đầu:</b> Cập nhập ngày cấp đăng ký doanh nghiệp: Giấy CNĐK DN số 0102141289, Đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 15/09/2025 của Sở Tài Chính, TP Hà Nội.	Sửa đổi, bổ sung
2	<b>Điều 2: Tên, biểu tượng, trụ sở đăng ký của Công ty</b> 3. Trụ sở đăng ký của Công ty: Tầng 1, Tòa nhà CT2A, Khu đô thị mới Cổ Nhuế, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.	<b>Điều 2, Tên, biểu tượng, trụ sở đăng ký của Công ty.</b> 3. Trụ sở đăng ký của Công ty: Tầng 1, Tòa nhà CT2A, Khu đô thị mới Cổ Nhuế, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội.	Sửa đổi, bổ sung

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê chuẩn.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban kiểm soát (thay b/c);
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phan Đình Phong**

Số: 01 /TTr/VN39/HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026.

**TỜ TRÌNH**

V/v: Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty 2026**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vinaconex 39;  
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vinaconex 39 kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nội dung: Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

*(Nội dung đính kèm Tờ trình)*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê chuẩn.  
Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phan Đình Phong**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 39**



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 39**

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số  
...../NQ/VN39/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026)*

**(DỰ THẢO)**



*Hà Nội, tháng 04 năm 2026*



## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 39**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công trình Viettel;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ/VN39/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2026.*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Vinaconex39. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Vinaconex39 bao gồm các nội dung sau:

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

###### **1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị của công ty cổ phần Vinaconex 39 bao gồm những nội dung chính sau:

- a) Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát;
- b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát.
- d) Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

###### **1.2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của Công ty cổ phần Vinaconex 39.

##### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Công ty” là Công ty cổ phần Vinaconex 39
2. “Điều lệ” là Điều lệ công ty cổ phần Vinaconex 39. Điều lệ Công ty cổ phần Vinaconex 39 được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành. Đây là văn bản pháp lý

quan trọng, đóng vai trò nền tảng trong việc xác định quy chế hoạt động, quyền lợi và nghĩa vụ của các cổ đông cũng như cơ cấu tổ chức của công ty.

3. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Vinaconex 39 (HĐQT) là cơ quan quản lý cao nhất của công ty cổ phần, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để quyết định chiến lược, phát triển và giám sát hoạt động kinh doanh giữa hai kỳ đại hội.

4. “Ban kiểm soát” ban kiểm soát của Công ty cổ phần Vinaconex 39 (BKS) là do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có chức năng giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành công ty, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật, minh bạch tài chính.

5. “Cổ đông lớn” là cá nhân hoặc tổ chức nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Vinaconex 39,

6. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vinaconex 39 quy định.

7. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Vinaconex 39.

8. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời giữ vị trí Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí chức danh khác theo quy chế này.

9. “Người phụ trách quản trị công ty” là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị công ty, thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo quy chế này.

10. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, bao gồm:

10.1. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;

10.2. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;

10.3. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thu mua cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;

10.4. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;

10.5. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

10.6. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại (1), (2) và (3);

10.7. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định trên có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.



## **Chương II**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Vinaconex 39. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

2. Đại hội đồng có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty cổ phần Vinaconex 39;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty cổ phần Vinaconex 39;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Vinaconex 39;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty cổ phần Vinaconex 39;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty cổ phần Vinaconex 39;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- o) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- p) Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- q) Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

#### **1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.2 Điều lệ Công ty;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

1.2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Khoản 1.1.b Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Khoản 1.1.c và Khoản 1.1.d Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

1.3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1.2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

1.4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1.3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 11.2 Điều lệ Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

## **2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp**

2.1. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

## **3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

3.1. Công ty phải thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

3.2. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền



dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

#### **4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

4.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán mà Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết.

4.2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết.

#### **5. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

5.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

5.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5.3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 5.2 Điều này.
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 11.2 Điều lệ.
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **6. Việc ủy quyền cho người đại diện họp Đại hội đồng cổ đông**

6.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 12.6 Điều lệ Công ty.

6.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

#### **7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

7.1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các hình thức sau: đăng ký trực tiếp, gửi thư hoặc thư điện tử hoặc hình thức khác cho Công ty trước thời hạn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

7.2. Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.

#### **8. Điều kiện tiến hành**

8.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

8.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

8.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

8.4. Theo đề nghị của chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã gửi kèm theo thông báo mời họp.

#### **9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.



### **10. Cách thức bỏ phiếu**

10.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có. Biểu quyết tại đại hội sẽ tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

10.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu tùy theo nội dung lấy ý kiến. Cách thức biểu quyết sẽ được quy định cụ thể và thông qua tại Quy chế làm việc của Đại hội.

10.3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

10.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

### **11. Cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu**

Số phiếu, thẻ biểu quyết được kiểm đếm theo thứ tự: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Việc công bố kết quả kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại Quy chế làm việc của Đại hội.

### **12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

12.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

12.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 12.1 Điều này.

12.3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

12.4. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành

viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

### **13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

13.1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại 20.6 Điều lệ Công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

13.2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

### **14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

14.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.



14.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

14.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

14.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

14.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Việc công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Ngoại trừ Đại hội đồng cổ đông thường niên, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều này.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

2.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

2.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết thực hiện công bố theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

2.9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực**



## **tuyên**

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi triển khai thực hiện.

### **Chương III**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc một giá trị khác theo nghị quyết phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị tùy từng thời kỳ và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc. Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc; Thông qua chủ trương đề xuất bổ nhiệm các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác.

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty thuộc thẩm

quyền theo nghị quyết của Hội đồng quản trị tùy từng thời kỳ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty;

p) Phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ điều hành trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị;

q) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

r) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

s) Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;

t) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;

u) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

v) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

w) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

x) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

y) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có.

z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

## **Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

### **1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 3 đến 7 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

### **2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị**

a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b) Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

i. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

ii. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

iii. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

iv. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.

v. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

3.1. Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử, ứng cử.

3.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ ứng viên.

3.3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị



5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

5.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 5.1 và khoản 5.2 Điều này.

5.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

6.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);

f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

6.2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

7.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

7.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

7.3 Bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn xin từ chức, Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định.

### **Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 03 người quản lý khác.

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

2.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 2.1 nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

### 3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

3.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

3.2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

### 4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

### 5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

### 6. Cách thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp

6.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này.

6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

6.5. Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức họp kết hợp một hoặc một số các hình thức nêu trên.

### 7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

### 9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị



Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- 9.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
  - 9.2. Thời gian, địa điểm họp.
  - 9.3. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
  - 9.4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
  - 9.5. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
  - 9.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
  - 9.7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
  - 9.8. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
  - 9.9. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.
  10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định từ khoản 9.1 đến 9.8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
  11. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
  12. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị
- Việc công bố nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.
13. Thẩm quyền và thể thức, trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 11. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

##### **1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty**

1.1. Người phụ trách quản trị công ty của Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

1.2. Người phụ trách quản trị công ty của Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.

##### **2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

3.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3.2. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

3.3. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

5.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

5.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

5.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

5.4. Tham dự các cuộc họp;

5.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

5.6. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

5.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

5.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

5.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật;

5.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

1.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

1.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường

niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

1.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

1.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.2 Điều lệ Công ty.

1.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.2 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

1.10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

1.11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

1.12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

1.13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

1.14. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

1.15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

1.16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu



quả.

1.17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

1.18. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

1.19. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

1.20. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.21. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

## 2. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

2.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

2.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 2.1 đến 2.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

2.6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

## **Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

### 1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1.1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

1.2. Ban kiểm soát bao gồm một Trưởng ban và các Kiểm soát viên. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên.

### 2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

2.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

2.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

2.4. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

2.5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty;

2.6. Không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

3.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3.2. Trường hợp số lượng ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường



hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

7.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

7.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

7.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **Chương V**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

2.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

2.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

2.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

2.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

2.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

2.6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị;

2.7. Tuyển dụng lao động;

2.8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;



2.9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1.1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

1.2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Công ty phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

5.1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

5.2. Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

## **Chương VI**

### **CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

**Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành

viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

1.2. Khi thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể mời Ban Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành khác có liên quan tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.

1.3. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện theo quy định của Quy chế này.

1.4. Tại các phiên họp định kỳ, đột xuất của Ban điều hành, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp có thể quyết định mời Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải lập thành biên bản và gửi về Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để báo cáo.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tới các Kiểm soát viên trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 03 người điều hành khác;
- b) Ban kiểm soát;

4.2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 4.1 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 4.1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

5.1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này định kỳ theo quy định và khi được yêu cầu.

5.2. Tổng Giám đốc phải báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng quản trị về các vấn đề sau: các quyết định trong quá trình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, đầu tư, hoạt động quản trị Công ty theo quy định tại Nghị quyết Phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty, cổ đông và thị

trường, các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác

5.3. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị.

5.4. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất theo yêu cầu.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện khi Hội đồng quản trị yêu cầu.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

7.1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: Hội đồng quản trị đảm bảo rằng tất cả tài liệu, thông tin về nội dung họp, tài liệu liệu, biên bản họp, nghị quyết họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các báo cáo của Tổng giám đốc và người điều hành khác trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành, được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như cung cấp với thành viên Hội đồng quản trị.

Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

7.2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện cung cấp thông tin theo định kỳ các công việc theo quy định của Công ty.

Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến công việc mà thành viên Ban kiểm soát được phân công thực hiện.

Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.

Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất. Các văn bản báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

8.3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị: Hội đồng quản



trị được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các đơn vị báo cáo thực hiện việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng quản trị phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của Công ty, phù hợp với yêu cầu quản trị và quy định pháp luật. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với Hội đồng quản trị bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định của Hội đồng quản trị.

**Điều 17. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác**

Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác của Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Kiểm soát viên.

Tiêu chí đánh giá hoạt động và xếp loại đánh giá theo quy định của Công ty trong từng thời kỳ.

**Điều 18. Xử lý vi phạm về quản trị công ty**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và của pháp luật. Nếu những hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, lợi ích của cổ đông thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

**Điều 19. Công bố thông tin**

1. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nêu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

3. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Quy chế công bố thông tin của Công ty.

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

**Điều 20. Bổ sung, sửa đổi Quy chế**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vinaconex 39 xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**Điều 21. Ngày hiệu lực**

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Vinaconex 39 bao gồm 6 chương 21 Điều và 28 trang, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2026.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Phan Đình Phong**